TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 27-6-2025
V/v: ly hôn; tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Ngô Thị Luân;

2. Bà Thạch Thị lan Nhung.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Hoàng Rung K'Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lịch – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2025/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2025 về việc: "Ly hôn; tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2025/QĐXXST– HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-DS ngày 19/6/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Chu Thị C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Cù Văn N, sinh năm 1983.

Địa chỉ: thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn, nguyên đơn chị Chu Thị C trình bày thì:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cù Văn N về chung sống với nhau vào năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, không tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống và làm việc tại thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống vợ chồng chị diễn ra hòa thuận, hạnh phúc, có xảy ra mâu thuẫn nhưng vẫn giải quyết được, tuy nhiên đến đầu năm 2024 thì cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, không hạnh phúc, xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, bất hòa.

Nguyên nhân là do vợ chồng chị bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, vợ chồng không thể chia sẻ được với nhau. Đến nay, chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể cứu vãn được, chị không còn tình cảm với anh Cù Văn N nữa, không thể tiếp tục chung sống với nhau. Hiện nay vợ chồng chị đã sống ly thân nhau. Nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc như mong muốn, tiếp tục kéo dài chỉ khiến cả hai mệt mỏi. Do đó, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cù Văn N.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung tên là: Cù Thị Thu H, sinh ngày 26/10/2007 và Cù Đăng Đ, sinh ngày 05/10/2011. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Chị không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng chị không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị Chu Thị C không trình bày gì thêm.

Bị đơn anh Cù Văn N trình bày tại biên bản lấy lời khai thì:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị C tìm hiểu và tự nguyện kết hôn với nhau, có tổ chức đám cưới theo phong tục. Quá trình chung sống, vợ chồng anh không có mâu thuẫn gay gắt, chỉ phát sinh mâu thuẫn nhỏ. Nay chị C xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 (hai) con chung tên là: Cù Thị Thu H, sinh ngày 26/10/2007 và Cù Đăng Đ, sinh ngày 05/10/2011. Khi ly hôn, anh đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng anh không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Cù Văn N không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải nhưng vắng mặt một bên đương sự nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị Chu Thị C giữ nguyên yêu cầu ly hôn với anh Cù Văn N; còn anh Cù Văn N không đồng ý ly hôn với chị Chu T Chiều nên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của chị Chu Thị C, xử cho chị Chu Thị C được ly hôn với anh Cù Văn N. Giao con chung là Cù Thị Thu H, sinh ngày 26/10/2007 và Cù Đăng Đ, sinh ngày 05/10/2011 cho chị Chu Thị C có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Cù Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: buộc chị Chu Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định

của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn anh Cù Văn N có nơi cư trú tại: thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị C và anh Cù Văn N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 23/10/2006 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Chu Thị C, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Qua xác minh thì quá trình chung sống tại địa phương, anh Cù Văn N và chị Chu Thị C có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Cù Văn N thường xuyên rượu chè. Tại phiên tòa, anh Cù Văn N không đồng ý ly hôn với chị Chu Thị C. Tuy nhiên, trong phần hỏi tại phiên tòa, anh Cù Văn N xác định không còn tình cảm với chị Chu Thị C. Việc anh Cù Văn N không đồng ý ly hôn với chị Chu Thị C nhưng anh Cù Văn N không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho ý kiến của mình là hợp lý. Trong khi đó, chị Chu Thị C cương quyết ly hôn với anh Cù Văn N và vợ chồng anh, chị đã sống ly thân nhau nhưng quan hệ tình cảm vẫn không được cải thiện. Do đó, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân của anh, chị cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Chu Thị C, xử cho chị Chu Thị C được ly hôn với anh Cù Văn N là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Chu Thị C và anh Cù Văn N xác định vợ chồng có hai con chung tên là: Cù Thị Thu H, sinh ngày 26/10/2007 và Cù Đăng Đ, sinh ngày 05/10/2011. Khi ly hôn, chị Chu Thị C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Chị Chu Thị C không yêu cầu anh Cù Văn N phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện các con chung vẫn do chị Chu Thị C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và đều có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Đồng thời, trong lời khai, anh Cù Văn N đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con. Tại phiên tòa, anh N cũng có ý kiến không đồng ý nuôi con. Do vậy, để đảm bảo điều kiện phát triển, ổn định tâm lý cho trẻ, cần giao con chung tên là: Cù Thị Thu H, sinh ngày 26/10/2007 và Cù Đăng Đ, sinh ngày 05/10/2011 cho chị Chu Thị C có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Chu Thị C không yêu cầu anh Cù Văn N phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Chu Thị C và anh Cù Văn N xác định tự thỏa thuận giải quyết về tài sản chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Chu Thị C và anh Cù Văn N xác định không có nợ chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị Chu Thị C phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Chu Thị C, xử cho chị Chu Thị C được ly hôn với anh Cù Văn N.

2. Giao con chung tên là Cù Thị Thu H, sinh ngày 26/10/2007 và Cù Đăng Đ, sinh ngày 05/10/2011 cho chị Chu Thị C có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Anh Cù Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc chị Chu Thị C phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005467 ngày 21/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Chị Chu Thị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/6/2025) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, BP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hạnh